TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 05/4/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Mai Hương

2. Bà Triệu Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15a/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 28/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐHPT –HNGĐ ngày 14/3/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn An Lâm, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Hoàng Sơn, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành C đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình anh C thời gian ngắn, sau đó anh chị sinh sống tại thôn An Lâm, xã T, huyện H. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường,

đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, chị xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành C. Ngày 19/12/2022 anh C bị Công an xã T, huyện H hủy bỏ đăng ký cư trú tại xã T, huyện H.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị xác định, chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị H có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành C. Về con chung: Chị H và anh C không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định anh C có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thành C: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Chị H và anh C kết hôn từ năm 2017. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân Chị H xác định, vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị H xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh C cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị H và anh C đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa Chị H và anh C cũng được chính quyền địa phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị H và anh C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh C không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000831822 ngày 07/12/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001029 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Thành C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T, huyện H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đào Thị Mai Hương - Triệu Thị Hà	**Nguyễn Văn Toàn**